

Số: 16 CV/VNECO8
V/v Công bố thông tin
Báo cáo tài chính Quý 4/2024

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 02 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 thực hiện công bố thông tin BCTC Quý 4 năm 2024 với UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội như sau:

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

- Mã chứng khoán: VE8.
- Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại: 02623 859 807, Fax: 02623 858 921.
- Thông tin công bố: 24 giờ, 72 giờ, bất thường, yêu cầu, định kỳ
- Địa chỉ Website: <http://vneco8.com.vn>

2. BCTC Quý 4 năm 2024:

- BCTC Quý 4 năm 2024

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại Khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

+ Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

3. Các giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản (các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01 năm 2024 đến thời điểm này nếu có): Không có.

- Nội dung giao dịch: Không có;

- Đối tác giao dịch: Không có;

- Tỷ lệ giao dịch (giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp căn cứ trên BCTC năm gần nhất): Không có;

- Ngày hoàn thành giao dịch: Không có.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT.

4000442866
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN
VNECO 8
TP. BUÔN MA THUỘT - T. ĐẮK LẮK
Nguyễn Hữu Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

ĐỊA CHỈ: SỐ 10 ĐÀO DUY TỬ, TP BUÔN MA THUỘT

MST: 6000442866

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4 NĂM 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	TK	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			88,655,278,637	100,101,594,855
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			5,015,905,422	738,147,886
1. Tiền	111	111	V.1	5,015,905,422	738,147,886
2. Các khoản tương đương tiền	112				
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			0	11,527,784,190
1. Chứng khoán và công cụ tài chính kinh doanh	121	121	V.2	0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122				
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	129		0	11,527,784,190
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			48,206,774,733	43,456,171,126
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	131N		27,616,053,880	24,038,953,062
2. Trả trước cho người bán	132	331NDN		16,543,818,357	14,967,645,561
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	136N			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	137N			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135				
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	138	V.3	5,727,636,705	5,811,681,712
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	139N	V.4	-1,680,734,209	-1,362,109,209
IV. Hàng tồn kho	140			35,275,633,382	44,276,248,439
1. Hàng tồn kho	141	15	V.4	36,418,270,543	44,276,248,439
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	159		-1,142,637,161	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			156,965,100	103,243,214
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	142			6,407,200
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	133		62,221,899	96,836,014
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	133k	V.5	94,743,201	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154				
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	141		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200			4,231,968,913	5,759,100,726
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			0	0
TÀI SẢN	Mã số	TK	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	131D		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212				
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	136DT			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	136D	V.6		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	138D	V.7		
6. Phải thu dài hạn khác	216				
7. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	139D		0	0
II. Tài sản cố định	220			4,194,191,893	5,452,193,727
1. Tài sản cố định hữu hình	221		V.8	2,936,714,893	4,194,716,727
<i>Nguyên giá</i>	222	211		24,665,867,171	25,977,115,792
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	2141		-21,729,132,278	-21,782,399,065
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		V.9		
<i>Nguyên giá</i>	225	212			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226	2142			
3. Tài sản cố định vô hình	227		V.10	1,257,477,000	1,257,477,000
<i>Nguyên giá</i>	228	213		1,287,477,000	1,287,477,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	2143		-30,000,000	-30,000,000
III. Bất động sản đầu tư	230			0	0
<i>Nguyên giá</i>	231	217			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232	2147			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			0	82,045,872
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	241			82,045,872
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	242	242	V.11	0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251	221		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	223		0	0
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253	228	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	229			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255				
VI. Tài sản dài hạn khác	260			37,777,020	224,861,127
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	242	V.14	37,777,020	224,861,127
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	243	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268			0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270			92,887,247,550	105,860,695,561

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	TK	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300			111,780,740,544	104,783,906,394
I. Nợ ngắn hạn	310			111,312,202,414	104,315,368,264
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	331		19,774,130,990	9,719,320,438
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	131C		7,365,957,584	7,967,154,375
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	333	V.16	185,874,595	234,882,726
4. Phải trả người lao động	314	334		2,222,990,266	2,190,147,367
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	335	V.17	573,778,355	303,529,779
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	336N		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	337N		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	338N	V.18	20,547,246,486	11,373,729,040
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	311	V.15	60,640,925,924	72,525,306,325
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	352		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	353		1,298,214	1,298,214
13. Quỹ bình ổn giá	323			0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			0	0
II. Nợ dài hạn	330			468,538,130	468,538,130
1. Phải trả người bán dài hạn	331	331D		468,538,130	468,538,130
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	336D	V.19		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333				
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	338D			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	341	V.20	0	0
7. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	343d	V.21		
7. Phải trả dài hạn khác	337	351			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	351d		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	3387			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340				
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341				
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342				
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	356			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			-18,893,492,994	1,076,789,187
I. Vốn chủ sở hữu	410		V.22	-18,893,492,994	1,076,789,187
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4111		18,000,000,000	18,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A			18,000,000,000	18,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B				
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	4112			0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413				0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	4118			0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	419			0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	412			0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	413			0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	414		509,956,126	509,956,126
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	415			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	418			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	421		-37,403,449,120	-17,433,166,939
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A			-17,433,166,939	-5,591,012,284
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B			-19,970,282,181	-11,842,154,655
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	441			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			0	0
2. Nguồn kinh phí	431	461	V.23	0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	466		0	0
Tổng cộng nguồn vốn	440			92,887,247,550	105,860,695,581

Người lập biểu

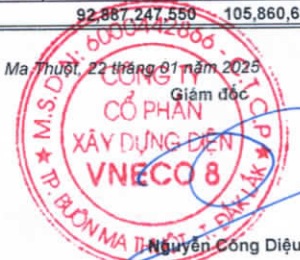
Phụ trách kế toán

Buôn Ma Thuột, 22 tháng 01 năm 2025

Giám đốc


 Trịnh Văn Quảng


 Trịnh Văn Quảng



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Tel: 0262.3815.336 Fax: 0262.3858.921

Nhũ số B 03a - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý IV - Năm 2024

T	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (năm trước)
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		7,392,521,612	2,715,199,883	27,812,986,262	148,390,071,123
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-6,343,763,886	-1,671,490,121	-21,393,414,136	-132,520,068,236
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		-181,500,000	-235,970,198	-986,921,318	-4,166,001,719
4	Tiền chi trả lãi vay	04			-356,362,581	0	-3,366,992,311
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05				0	0
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		209,050,898	1,244,000,000	591,793,855	10,902,727,141
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-777,132,996	-2,887,632,299	-1,416,492,240	-23,538,395,422
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		299,175,628	-1,192,255,316	4,607,952,423	-4,298,659,426
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS khác	21				0	0
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS khác	22				0	0
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23				0	0
4	Tiền thu nội cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24				11,527,784,190	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25				0	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26				0	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	226,065,975	26,401,324	605,742,768
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	226,065,975	11,554,185,514	605,742,768
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1	Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31				0	0
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN	32				0	0
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33				1,390,000,000	50,989,000,000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34			-132,000,000	-13,274,380,401	-51,538,000,000
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35				0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36				0	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	-132,000,000	-11,884,380,401	-549,000,000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		299,175,628	-1,098,189,341	4,277,757,536	-4,241,916,658
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4,716,729,794	1,836,337,227	738,147,886	4,980,064,544
	<i>ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>						
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5,015,905,422	738,147,886	5,015,905,422	738,147,886

Buon Ma Thuot, ngày 22 tháng 01 năm 2025

Lập biểu

Phụ trách kế toán



Trịnh Văn Quảng



Trịnh Văn Quảng



Nguyễn Công Diệu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO8 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây lắp điện Tây Nguyên thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.8 theo Quyết định số 132/2003/QĐ-BCN ngày 07/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO8 từ ngày 19/01/2006 theo Quyết định số 60 QĐ/XLĐ3.8-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.8. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4003000031 ngày 19/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 02/04/2021.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 02/04/2021 của Công ty là: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn.).

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2024 là: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn.) trong đó:

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) góp cổ phần với số tiền là: 10.068.090.000 đồng (Mười tỷ không trăm sáu mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng chẵn) tương đương 55,93% vốn thực góp;
- Vốn góp của các cổ đông khác với số tiền là: 7.931.910.000 đồng (Bảy tỷ chín trăm ba mươi một triệu chín trăm mười nghìn đồng chẵn) tương đương 44,07% vốn thực góp.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện, các công trình công nghiệp và dân dụng, sản xuất kinh doanh các kết cấu bê tông, cột điện bê tông ly tâm các loại.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao;
- Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông đúc sẵn; gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí;
- Khai thác và kinh doanh đá xây dựng, cát, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vật tư thiết bị điện, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế mới;
- Hoạt động sản xuất, mua bán điện;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển doanh nghiệp;
- Đại lý ô tô, phụ tùng ô tô các loại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty dưới 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính bao gồm: tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán đảm bảo đã được kiểm kê, đối chiếu đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về việc “Ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, chứng khoán niêm yết xác nhận giá trị hợp lý tại thời điểm khớp lệnh (T+0). Cuối kỳ kế toán nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc phải lập dự phòng giảm giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi phải đánh giá khả năng thu hồi và ghi nhận tổn thất, cuối kỳ được đánh giá lại các khoản đầu tư ngắn hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: Phản ánh các khoản phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán. Phải thu khác bao gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu để phân loại dài hạn hoặc ngắn hạn

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Khi mua hàng tồn kho kèm thiết bị phụ tùng thay thế phải ghi nhận theo giá trị hợp lý của từng loại

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/6/2013 và áp dụng từ năm tài chính 2013 .

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ; Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Theo dõi chi tiết theo từng hợp đồng trả trước, việc phân loại ngắn – dài trên bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng, không căn cứ vào thời gian còn lại kể từ ngày lập báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Việc phân loại được thực hiện theo nguyên tắc như nợ phải thu.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính trình bày ở mục dài hạn và ngược lại.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ: Được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu như chi phí giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng, giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3815 336

Fax: 0262.3858 921

MÃU SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc xác định số thuế sau cùng về Thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1 - Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	5.778.061	11.201.789
Tiền gửi ngân hàng	5.010.127.361	726.946.097
Cộng	5.015.905.422	738.147.886

3 - Phải thu khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản chi hộ tiền đền bù	253.801.423	253.801.423
Các khoản phải thu khác- Tạm ứng	5.437.835.282	5.657.770.703
Cộng	5.727.636.705	5.811.681.712

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3815 336

Fax: 0262.3858 921

MÃ SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7.- Hàng tồn kho

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	858.767.141	2.307.614.812
Công cụ, dụng cụ	67.200.000	67.200.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.764.859.985	40.136.539.540
Thành phẩm	1.727.443.417	1.764.894.087
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	36.418.270.543	44.276.248.439

- Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn		
b) Xây dựng cơ bản dở dang		
- Đầu tư Giai đoạn 2- Nhà máy bê tông Tâm Thắng	0	82.045.872
Tổng	0	82.045.872

***Ghi chú:** Giá trị xây dựng dở dang được sử dụng một phần cho Dự án Nhà kho cho thuê, hoàn thành và đưa vào sử dụng trong Quý 1-2017, quyết toán Quý 2/2017.*

9 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Tại ngày 01/01/2024	9.798.041.850	10.336.819.580	5.784.163.452	58.090.910	25.977.115.792
Tăng do mua sắm					
Thanh lý, nhượng		(891.979.714)	(419.268.907)		(1.311.248.621)
Tại ngày 31/12/2024	9.798.041.850	9.444.839.866	5.364.894.545	58.090.910	24.665.867.171
Giá trị Hao mòn LK					
Tại ngày 01/01/2024	8.918.884.826	8.220.858.004	4.584.565.325	58.090.910	21.782.399.065
Khấu hao trong năm	242.181.460	369.067.723	616.752.652		1.228.001.835
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác		(891.979.714)	(419.268.907)		(1.311.248.621)
Tại ngày 31/12/2024	9.104.670.347	7.697.946.013	4.782.049.070	58.090.910	21.699.092.250
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	755.300.010	1.938.399.706	891.221.801	0	3.584.921.517
Tại ngày 31/12/2024	636.975.565	1.746.893.752	582.845.579	0	2.966.714.896

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3815 336

Fax: 0262.3858 921

MÃU SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng lâu dài đất (Số 10 Đào Duy Từ)	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Tại ngày 01/01/2024	1.257.477.000	30.000.000	1.287.477.000
Tăng do mua sắm			
Thanh lý, nhượng bán			
Tại ngày 31/12/2024	1.257.477.000	30.000.000	1.287.477.000
giá trị Hao mòn LK			
Tại ngày 01/01/2024	0	30.000.000	30.000.000
Khấu hao trong năm			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Tại ngày 31/12/2024	0	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	1.257.477.000	0	1.257.477.000
Tại ngày 31/12/2024	1.257.477.000	0	1.257.477.000

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất tại số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột và Phần mềm kế toán do Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam chuyển nhượng.

13 – Chi phí trả trước :

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a/ Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ		
Chi phí bảo hiểm	0	6.407.200
b/ Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	37.777.020	224.861.127
Tổng	37.777.020	231.268.327

15 - Vay và nợ thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Tel: 0262.3815 336 Fax: 0262.3858 921

MÃU SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Số dư cuối kỳ 31/12/2024	Phát sinh trả nợ vay trong năm	Phát sinh vay bổ sung trong năm	Số dư đầu năm 01/01/2024
Vay ngắn hạn NH BIDV	24.568.000.000	0	0	24.568.000.000
Vay dài hạn NH BIDV	42.136.701	0	0	42.136.701
Vay ngắn hạn NH Viettinbank	28.449.619.599	0	0	40.000.000.000
Vay ngắn hạn NH Quân Đội(MB)	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Maritimebank	0	0	0	0
Vay đối tượng khác	7.581.169.624	0	0	7.915.169.624
Cộng	60.640.925.924	0	0	72.525.306.325

16 – Phải trả người bán**a/ Các khoản phải trả người bán ngắn hạn :**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Minh Hoà	341.374.086	341.374.086
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Sao Việt Linh	220.394.910	220.395.042
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trọng Tiến	1.878	1.878
Công ty TNHH Đồng Vĩnh Thịnh	651.160.028	651.160.028
Công ty cổ phần cơ khí đúc Hòa Bình	141.831.000	141.831.000
Công ty TNHH Gia Phát Quy Nhơn	2.636.264.452	937.199.986
Công ty CP kinh doanh thép cường độ cao	355.851.428	355.851.428
Công ty cổ phần Cơ điện - Điện Lực Đồng Nai	356.843.495	356.843.495
Công ty TNHH xây dựng và thi công cơ giới Anh Hoà	46.380.000	46.380.000
Công ty TNHH XD & TM Hoàng Lâm	645.790.529	783.510.529
CÔNG ty TNHH xây dựng và dịch vụ Hà Nhật Minh	219.953.855	219.953.855
Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	641.746.608	503.860.528
Phải trả cho một số người bán khác	13.516.538.721	5.160.958.583
Cộng	19.774.130.990	9.719.320.438

b/ Phải trả người bán dài hạn :

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam	468.538.130	468.538.130
Cộng	468.538.130	468.538.130

17 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3815 336

Fax: 0262.3858 921

MÃ SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đ-ợc đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối kỳ (31/12/2024)	Số đ-ợc bù trừ với thuế GTGT được khấu trừ cuối kỳ	Số đ-ợc thực nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Đầu kỳ (01/01/2024)
a. Phải nộp					
Thuế Giá trị gia tăng	95.494.558	2.556.996.432	4.377.888	2.648.288.538	4.202.452
Thuế thu nhập DN	46.707.885	0	0	0	46.707.885
Thuế thu nhập cá nhân	41.458.614	0	0	0	41.458.614
Thuế nhà đất	0	0	123.692.157	0	123.692.157
Thuế khác	0	0	3.000.000	3.000.000	0
Lệ phí và các khoản nộp NSNN	2.213.538	0	26.543.847	20.207.517	18.821.618
Cộng	185.874.595	2.556.996.432	157.615.892	2.671.496.055	234.882.726
b. Phải thu					
Thuế Giá trị gia tăng	62.221.899	2.518.044.429	-	2.552.618.544	96.836.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0	0
Thuế khác	0	0	0	0	0
Cộng	62.221.899	0	0	0	96.836.014

18 - Chi phí phải trả**a/ Ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả	115.492.096	115.492.096
Chi phí trích trước cho các công trình, sản phẩm	458.286.259	188.037.683
Cộng	573.778.355	303.529.779

b/ Chi phí phải trả dài hạn:**19 - Phải trả khác****a/ Ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Kinh phí công đoàn	121.481.000	113.860.000
Đoàn phí công đoàn	0	65.813.471
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp'	2.664.171.945	2.842.888.673
Tổng công ty CP XD điện Việt Nam-Tiền đền nhượng bán	0	0
Thù lao HĐQT-BKS	0	0
Cổ tức của cổ phần chưa lưu ký	0	2.351.025
Các khoản phải trả tạm ứng khác, phải trả khác	17.781.593.541	8.348.815.871
Cộng	20.547.246.486	11.373.729.040

b/ Dài hạn:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3815 336

Fax: 0262.3858 921

MÃ SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25- Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của CSH	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000			509.956.126	(5.591.012.284)	12.918.943.842
- Tăng trong kỳ trước						
- Lãi trong kỳ trước					(11.842.154.655)	(11.842.154.655)
- Phân phối lợi nhuận						
- Giảm trong kỳ trước						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm trước	18.000.000.000			509.956.126	(17.433.166.939)	1.076.789.187
Số dư đầu năm nay	18.000.000.000			509.956.126	(17.433.166.939)	1.076.789.187
- Tăng vốn trong kỳ						
- Lãi trong kỳ này					(19.940.282.182)	(19.940.282.182)
- Phân phối lợi nhuận						
- Giảm trong kỳ này						
- Giảm khác						
Số dư 31/12/2024	18.000.000.000			509.956.126	(37.373.449.121)	(18.863.492.995)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Vốn góp của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	10.068.090.000	10.068.090.000
Vốn góp của người lao động	7.931.910.000	7.931.910.000
Cộng	18.000.000.000	18.000.000.000

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	18.000.000.000	18.000.000.000

d- Cổ tức

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3815 336

Fax: 0262.3858 921

MÃ SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức năm 2015 trong kỳ kế toán đã phân phối, cổ tức sau ngày kết thúc kỳ kế toán hiện chưa tính.

đ- Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phần	Cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e- Các quỹ của doanh nghiệp :

- Quỹ đầu tư phát triển : 509.956.126 đồng;

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: theo quy định của luật kế toán và Nghị quyết Đại hội cổ đông.

- Quỹ đầu tư phát triển: Năm 2019 chưa trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.188.189.743	3.313.095.618
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	7.127.932.075	3.257.300.478
Doanh thu bán các thành phẩm		0
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải, thương mại		0
Doanh thu từ kho bãi	60.257.668	55.795.140

2- Giá vốn hàng bán

	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
Giá vốn của hoạt động xây dựng	15.024.014.711	7.517.465.988
Giá vốn của thành phẩm đã bán		88.618.260
Giá vốn của dịch vụ vận tải, thương mại		
Giá vốn của kho bãi	104.730.775	20.264.183
Cộng	15.175.515.137	7.626.348.431

3- Doanh thu hoạt động tài chính

Quý 4

Quý 4

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3815 336

Fax: 0262.3858 921

MÃ SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	940.442	226.065.975
Cổ tức lợi nhuận được chia		
Cộng	940.442	226.065.975

4. Chi phí tài chính

	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
Lãi tiền vay	2.239.408.813	1.327.648.352
Giá trị còn lại của khoản đầu tư đã bán trong kỳ		
Dự phòng, hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		
Cộng	2.239.408.813	1.327.648.352

Chỉ tiêu	Quý 4		Lũy kế	
	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
5- Thu nhập khác	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán tài sản				
-Lãi do đánh giá lại tài sản				
-Tiền phạt thu được				
-Thuế được giảm				
- Các khoản khác				
6- Chi phí khác	0	0	102.253.389	64.168.357
-Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ				
- Lỗ do đánh giá lại tài sản				
- Các khoản bị phạt khác				
- Các khoản khác	0		102.253.389	64.168.357

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :

	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	313.519.637	867.092.309
Chi phí nhân công	223.207.000	382.708.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.309.019	309.379.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.783.317	877.964.202
Chi phí bằng tiền khác.	2.083.589.384	5.607.62.159
Tổng cộng	2.944.408.357	6.407.324.876

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3815 336

Fax: 0262.3858 921

MÃ SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.003.050.624)	(7.498.979.442)
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế theo luật thuế TNDN		0
Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	(12.003.050.624)	(7.498.979.442)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế quý hiện hành:	0	0
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp (theo nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020)	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1- Thông tin về các bên liên quan:***** Công ty mẹ :**

➢ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) là Công ty mẹ có số cổ phần chi phối theo điều lệ hoạt động của Công ty. Trụ sở Công ty mẹ đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, thành phố Đà Nẵng.

*** Công ty trong Tổng công ty có giao dịch với Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8**

➢ Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 12. Trụ sở đặt tại thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình.

*** Các giao dịch chủ yếu giữa các bên liên quan:**

Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam (VNECO)	
Nội dung	Giá trị giao dịch (đ)
Giao dịch bán	0
Dịch vụ xây lắp:	

*** Quan hệ thanh toán giữa các bên liên quan:**

S	Khoản mục	Số dư đầu năm	Số phát sinh tăng trong kỳ	Số phát sinh giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
T					

C. NG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3815 336

Fax: 0262.3858 921

MÃU SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đ- ọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

T				
1	Tổng công ty cp xây dựng điện Việt Nam (VNECO)			
1	Phải thu	-3.109.548.795	0	0
2	Tổng Công ty CP XD điện Việt Nam-CN TP Hồ Chí Minh			
1	Phải thu	0	0	0
	Giao dịch mua :			
2	Tổng công ty cp xây dựng điện Việt Nam (VNECO)			
	Phải trả	812.062.920	0	0
3	Tổng Công ty CP XD điện Việt Nam-CN TP Hồ Chí Minh			
	Phải trả	34.802.000	0	0
4	Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 12			
	Phải trả	118.503.762	0	0
5	Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 10			
	Phải trả	641.746.608	0	0

2- Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh tại ngày 31/12/2024 được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/06/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

3- Tính hoạt động liên tục:

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3815 336

Fax: 0262.3858 921

MẪU SỐ B09a-dn

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Quý 4- 2024)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 01 năm 2025

NGƯỜI LẬP

TRỊNH VĂN QUẢNG

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

TRỊNH VĂN QUẢNG

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



NGUYỄN CÔNG DIỆU

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**
Số: 17 CV/VNECO8-TCKT

V/v Giải trình chênh lệch kết quả
kinh doanh Quý 4 năm 2024
so với cùng kỳ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Đăk Lăk, ngày 10 tháng 02 năm 2025

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

Tên công ty: Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8;

Mã chứng khoán: VE8;

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ - phường Thống Nhất - thành phố Buôn Ma Thuột – tỉnh Đăk Lăk;

Điện thoại: 02623 815 336 Fax: 02623 585 921;

Website: <http://vneco8.com.vn>

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 xin được giải trình chênh lệch Kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 như sau:

Kết quả kinh doanh Quý 4-2024 có lợi nhuận sau thuế là: -12.003.050.624 đồng, trong khi Kết quả kinh doanh Quý 4-2023 là: -7.498.979.442 đồng. Kết quả kinh doanh lỗ nặng so với cùng kỳ.

* Nguyên nhân:

- Các công trình bị vướng mặt bằng thi công, lợi nhuận sau thuế năm 2023 là số âm nên khó tiếp cận các nguồn vốn vay dẫn đến thiếu vốn. Thời gian qua, Công ty chỉ thi công cầm chừng, các khối lượng đã thi công chưa đủ tỷ lệ để thanh toán theo hợp đồng, doanh thu về xây lắp và sản xuất công nghiệp Quý 4 không đáng kể. Trong khi đó các chi phí khác như chi phí tài chính, chi phí quản lý, chi phí thuê kho bãi, ... vẫn phải thanh toán.

- Với những khó khăn nói trên, làm cho tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu trong kỳ thấp hơn nhiều so với kế hoạch đầu thầu của Công ty.

- Tất cả các yếu tố trên làm kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2024 có hiệu quả thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT, TH.



NGUYỄN CÔNG ĐIỀU